

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2020
V/v “tranh chấp hôn nhân gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Diêm Đăng Hoạt
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phạm Văn L, sinh năm 1970
- Bị đơn: bà Hoàng Thị S, sinh năm 1971

Đều cư trú: thôn Đ, xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (ông L đề nghị xử vắng mặt, bà S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là ông Phạm Văn L trình bày:*

Ông kết hôn với bà Hoàng Thị S năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà S về nhà ông chung sống. Tình cảm vợ chồng hoà thuận được khoảng 1 – 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về những chuyện nhỏ nhặt trong sinh hoạt gia đình và bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình, hai vợ chồng mỗi người một ý dẫn đến cãi nhau thường xuyên, hai vợ chồng chỉ nói chuyện với nhau vài câu là lại cãi nhau, thậm chí có một số lần xảy ra đánh nhau. Do bất đồng quan điểm nên

kết quả công việc làm ăn kinh tế cũng không thành công. Bản thân vợ chồng ông cũng như họ hàng hai bên đã nhiều lần hoà giải, khuyên nhủ nhưng kết quả vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Từ năm 2008, tình cảm vợ chồng ông đã lạnh nhạt. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng ông ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn bà S.

Về con chung: ông và bà S có 02 con chung là Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1989 và Phạm Huy T, sinh năm 1991. Các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, ông đã nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, bị đơn là bà Hoàng Thị S trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn L kết hôn ngày 10/9/1989, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, bà về chung sống cùng ông L. Ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông L hay ghen tuông, nghi ngờ bà ngoại tình, ông L thường xuyên đánh đập bà, đã có hai lần bà phải đi bệnh viện vì bị ông L đánh đập. Trong cuộc sống thường ngày ông L cũng không quan tâm gì đến bà, ngay cả lúc bà ốm đau ông L cũng không quan tâm chăm sóc. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên từ đầu năm 2019 đến nay bà và ông L sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn ông L.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 19/10/1989 và Phạm Huy T, sinh ngày 08/7/1991. Hiện nay con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà S vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông L với bị đơn là bà S có nơi cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện Tân Yên là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông L đã nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông L, bà S.

[3] Đối với yêu cầu ly hôn của ông L với bà S:

Ông L và bà S xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C năm 1989 nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L thì vợ chồng hoà thuận được khoảng 1-2 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng mỗi người một ý dẫn đến cãi nhau, đánh nhau. Từ năm 2008, vợ chồng đã lạnh nhạt. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau. Theo bà S thì vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông L nghi ngờ bà có quan hệ ngoại tình nên thường xuyên đánh đập bà, không quan tâm đến bà trong cuộc sống hàng ngày. Từ đầu năm 2019 đến nay ông bà đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc nhau. Mặc dù ông bà trình bày nguyên nhân mâu thuẫn có khác nhau nhưng đều dẫn đến ông bà cãi vã xô xát và ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Qua xác minh, gia đình và địa phương cũng cho biết: Ông L và bà S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, ông L hay chấp trách bà S dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, đánh nhau. Nay ông L xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu ly hôn bà S thì bà cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, cho ông L ly hôn bà S là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông L và bà S có 02 con chung là Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 19/10/1989 và Phạm Huy T, sinh ngày 08/7/1991. Các con chung đều đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông L, bà S không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: ông L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn L ly hôn bà Hoàng Thị S.
2. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Án phí: ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại biên lai số AA/2018/0006189 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận ông L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

**Nơi nhận:
THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Quyến, sinh năm 1974 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồng Sào 1, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Nguyễn Phương Du, sinh năm 1976 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Quỳên, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Quyển được ly hôn anh Nguyễn Phương Du.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Chị Quyển xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Quyển xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Chị Vũ Thị Quyển phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001834 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Vũ Thị Quyển đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân